| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN H**<br>TỈNH LONG AN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do -Hạnh phúc** |

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 21-7-2021
Về việc "Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hùng Vương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tấn Rỏn;

2. Bà Nguyễn Thị Rê.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Nhàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

Ngày 21 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 51/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thanh T - Sinh năm 1975 - Địa chỉ: Ấp 2, xã BHN, huyện H, tỉnh Long An (Có mặt).

*2. Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh T1 - Sinh năm 1977 - Hộ khẩu thường trú: Ấp Thuận Hòa 2, xã HKN, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An; Địa chỉ tạm trú: Ấp 2, xã BHN, huyện H, tỉnh Long An (Có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 05-3-2021, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T trình bày và yêu cầu:

Bà và ông Nguyễn Minh T1 cưới nhau năm 2001, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HKN ngày 17-9-2001; Chung sống đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do ông T1 không lo làm ăn, ghen tuông vô cớ, thường xuyên uống rượu về ngược đãi bà. Nhiều lần bà khuyên can nhưng ông T1 không thay đổi. Bà và ông T1 đã ly thân từ ngày 18-02-2021 đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Minh T1;

Về con chung: Bà và ông T1 có 02 con chung tên Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 02-9-2002 và Nguyễn Phú L, sinh ngày 12-02-2007, hiện 02 con chung đang sống chung với bà. Bà và ông T1 đã thỏa thuận, sau khi ly hôn, con chung Nguyễn Thanh T2 đã thành niên không yêu cầu giải quyết, bà được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Phú L, theo nguyện vọng của con chung, ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Bản tự khai ngày 20-5-2021, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Minh T1 trình bày:

Ông T1 trình bày thống nhất trình bày của bà Lê Thị Thanh T về ngày tháng điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân, con chung, việc tự thỏa thuận về tài sản chung và việc không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T vì còn thương vợ con, muốn hàn gắn để lo cho con.

Về con chung: Nếu như phải ly hôn, ông thống nhất theo yêu cầu của bà T.

Vụ án được hòa giải đoàn tụ ở Tòa án nhưng không thành.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lê Thị Thanh T khởi kiện "Tranh chấp ly hôn" đối với ông Nguyễn Minh T1; Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[3] Xét về hôn nhân:

[3.1] Bà T và ông T1 chung sống có đăng ký kết hôn ngày 17-9-2001 tại Ủy ban nhân dân xã HKN, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Đồng thời xét yêu cầu ly hôn của bà T và yêu cầu đoàn tụ của ông T1: Bà T và ông T1 thống nhất xảy ra mâu thuẫn từ năm 2017, do ông T1 ghen tuông vô cớ, thường xuyên uống rượu về ngược đãi bà T, đã ly thân từ ngày 18-02-2021.

Xét từ khi xảy ra mâu thuẫn, ly thân, được Tòa án hòa giải đoàn tụ không thành và đến nay, ông T1 không có biện pháp hữu hiệu để khắc phục mâu thuẫn gia đình, bà T và ông T1 vẫn sống ly thân, mỗi người tự lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Ngược lại, yêu cầu của ông T1 là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét về nuôi con chung:

[4.1] Trước khi mở phiên tòa bà T và ông T1 thống nhất, nếu ly hôn, con chung Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 02-9-2002, đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết, bà T được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Phú L, sinh ngày 12-02-2007, hiện đang sống chung với bà T, theo nguyện vọng của con chung, ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Việc thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung trước khi mở phiên tòa là tự nguyện nên công nhận là phù hợp theo quy định tại Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình.

[4.2] Ông T1 được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà T và ông T1 được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 83, 84, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về chia tài sản chung: Bà T và ông T1 trình bày để tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập. Nếu xảy ra tranh chấp, các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về chia nợ chung: Bà T và ông T1 trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập. Nếu xảy ra tranh chấp, các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bà T đã nộp đủ án phí; Ông T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 56, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh T được ly hôn ông Nguyễn Minh T1.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Công nhận sự thỏa thuận của đương sự: Con chung Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 02-9-2002 đã thành niên, không yêu cầu giải quyết; Bà Lê Thị Thanh T được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Phú L, sinh ngày 12-02-2007, hiện đang sống chung với bà T, theo nguyện vọng của con chung; ông Nguyễn Minh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Ông T1 được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà T và ông T1 được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung: Để tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. Về chia nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Bà Lê Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0009032 ngày 11-3-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, bà T đã nộp đủ án phí.

6. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 21-7-2021);

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã HKN (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hùng Vương**